TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cầm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Luân

Bà Mùa Thị Mỷ

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị T***(tên gọi khác: Không)*, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1972, tại: huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Trí N và bà Đỗ Thị N1; Bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo 01 con sinh năm 2009.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Bùi Sinh Quyền - Sinh năm 1949. Luật sư thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Hà Văn T- sinh năm 1963

Trú tại: Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Hà Thị N - sinh năm 1988

Trú tại: Bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu xin việc cho con gái vào ngành giáo dục nên khoảng đầu tháng 12 năm 2017, Hà Văn T đi đám cưới tại Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La thì gặp Hà Văn T, sinh năm: 1964 - Trú tại: Bản Pàn Ngùa, xã Tô Múa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La và con gái là Hà Thị N, sinh năm: 1988 - Trú tại: Bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (hiện là giáo viên trường Mầm non Ánh Sao tại xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu). Qua nói chuyện được biết Hà Thị N đang công tác trong ngành giáo dục nên Thanh nhờ Ngoan hỏi tìm người xin việc vào ngành giáo dục cho Hà Thị Phương T - con gái Hà Văn T vừa tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm trường Đại học Tây Bắc. Ngoan đồng ý và gọi điện thoại cho Trương Thị T, sinh năm: 1972 - Trú tại: Tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La (Là giáo viên trường TH - THCS Chiềng Xôm, thành phố Sơn La) để hỏi nhờ chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên tại huyện Yên Châu và cho số điện thoại của T cho Hà Văn T để hai bên tự liên hệ. Qua trao đổi T thông tin cho gia đình Hà Văn T biết chi phí xin việc cho Hà Thị Phương T là 270.000.000 đồng và thống nhất địa điểm giao dịch tại nhà Hà Thị N ở bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng.

Ngày 13/12/2017, Hà Văn T và vợ là Lường Thị T, sinh năm: 1971 - Trú tại: Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến nhà Hà Thị N ở bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu để gặp Trương Thị T. Tại đây, T giới thiệu bản thân có thể xin việc được cho con gái Thanh vào ngành giáo dục. Gia đình Hà Văn T và T nhất trí thỏa thuận với nhau: số tiền để xin việc cho Hà Thị Phương T là 270.000.000 đồng, trong vòng một năm sẽ xin được việc cho Hà Thị Phương T nếu không được sẽ hoàn trả lại tiền, đồng thời khi đến thời gian thi tuyển viên chức giáo dục, Hà Thị Phương T phải tự đến nộp hồ sơ thi tuyển tại bộ phận một cửa UBND huyện Yên Châu. Do chưa chuẩn bị đủ nên tiền nên gia đình Hà Văn T đưa cho T số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ giao cho T sau. T đồng ý rồi viết "Giấy vay tiền" ghi nhận giao dịch với Hà Văn T, còn Hà Thị N ký nhận là người làm chứng và giấy vay tiền thì Hà Văn T giữ.

Khoảng 19 giờ ngày 15/01/2018, Trương Thị Tđi taxi đến nhà Hà Thị N gặp Hà Văn T và Lường Thị T. Tại đây, Hà Văn T đưa cho T số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn lại là 30.000.000 đồng sẽ giao cho T sau. T nhận tiền rồi viết "Giấy vay tiền" ghi nhận giao dịch với Hà Văn T, còn Hà Thị N ký nhận là người làm chứng và giấy vay tiền thì Hà Văn T giữ.

Khoảng 10 giờ ngày 21/01/2018, Trương Thị T đi taxi đến nhà Hà Thị N gặp Hà Văn T và Lường Thị T. Tại đây, Hà Văn T đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng. T

nhận tiền rồi viết "Giấy vay tiền" ghi nhận giao dịch với Hà Văn T, còn Hà Thị N ký nhận là người làm chứng và giấy vay tiền thì Hà Văn T giữ.

Đến tháng 12 năm 2018, T không xin được việc cho Hà Thị Phương T như đã hứa hẹn nên vợ chồng Hà Văn T đã hai lần đến nhà T tại Tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La yêu cầu trả tiền. Do T không có tiền để trả nên Hà Văn T yêu cầu T viết một "Giấy vay tiền" gộp số tiền của ba lần giao dịch trước lại thành tổng số tiền là 270.000.000 đồng và một "Giấy vay lại nợ" rồi mang giấy tờ này đến cho Hà Thị N ký xác nhận với vai trò người làm chứng. Sau khi nhận thấy T không xin được việc và cũng không hoàn trả số tiền đã nhận của gia đình Hà Văn T, ngày 06/02/2021 Hà Văn T đã làm đơn trình báo với nội dung tố giác Trương Thị T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, có hành vi nhận số tiền 270.000.000đ vào ngày 13/12/2017 tại bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La để xin việc cho con gái của Hà Văn T là Hà Thị Phương T vào công tác trong ngành giáo dục đến CQĐT Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La . Đồng thời Hà Văn T giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu 01 giấy vay tiền và giấy vay lại nợ giữa Hà Văn T và Trương Thị T.

Ngày 10/5/2021 Công an huyện Yên Châu ra quyết định trưng cầu số 55 đề nghị giám định chữ viết, chữ ký mang tên Trương Thị Ttrong giấy vay tiền và giấy vay lại nợ. Kết quả tại bản kết luận giám định số 1046 ngày 02/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự tỉnh Sơn La kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị Tdưới mục " Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký chữ viết của Trương Thị Ttrên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra bị cáo Trương Thị Tkhai nhận: Do có quen biết với ông Nguyễn Đình X - Nguyên phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo huyện Yên Châu (hiện tạm trú tại Tổ dân phố Nổ Giáp 1, phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa), ông Xuất có nợ T số tiền 240.000.000đ, giấy vay tiền hiện T đang giữ nên sau khi được Hà Thị N giới thiệu và biết gia đình ông Hà Văn T có nhu cầu xin việc cho con vào ngành giáo dục, T bàn bạc với ông Xuất để xin việc cho Hà Thị Phương T và được ông Xuất đồng ý. T đã thông tin lại cho gia đình ông Hà Văn T biết phí xin việc hết 270.000.000đ. Trương Thị Tvà gia đình ông Hà Văn T đã giao nhận đủ số tiền trên tại nhà Hà Thị N. Sau khi nhận đủ 270.000.000đ, Trương Thị Tđã giao lại toàn bộ số tiền trên cho ông Xuất và được ông Xuất hoàn trả 220.000.000đ trừ vào số nợ trước đó. Số tiền nhận được thì T đã sử dụng cho mục đích cá nhân. Tuy nhiên quá trình điều tra vụ án Trương Thị Tkhông cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc T trao đổi, bàn bạc và chuyển tiền cho ông Xuất, vì vậy Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để xử lý đối với ông Nguyễn Đình X.

Đối với Hà Thị N là người giới thiệu và cho hai bên số điện thoại để liên lạc thống nhất đồng thời đến nhà Ngoan để giao dịch. Ngoan không biết cụ thể quá trình giao dịch mà chỉ ký vào giấy vay tiền dưới vai trò người làm chứng, nên Cơ quan CSĐT không đề cập vấn đề xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/5/2023, đại diện gia đình Trương Thị Tđã tự nguyện bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho Hà Văn T, Hà Văn T đã nhận đủ số

tiền trên và yêu cầu Trương Thị Tphải bồi thường số tiền 170.000.000 đồng là số tiền còn thiếu trong tổng số tiền 270.000.000 đồng đã bị Trương Thị Tlừa đảo chiếm đoạt. Đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trương Thị T.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSYC ngày 22/06/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Châu để xét xử bị cáo Trương Thị Tvề tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như bản Cáo trạng truy tố, thống nhất với lời khai nhận trong quá trình điều tra, truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thị Tphạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo bằng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của người khác với số tiền 270.000.000đ của người bị hại thuộc trường hợp phạt tù từ 07 đến 15 năm, nhưng có có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, đồng thời người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 BLDS, đề nghị hội đồng xét xử buộc bị cáo Trương Thị Tphải bồi thường nốt số tiền 170.000.000đ cho người bị hại ông Hà Văn T.

- Về vật chứng: Không có.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, và 8.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại ông Hà Văn T có ý kiến: Ngày 26/5/2023 đã nhận được 100.000.000đ tiền bồi thường từ gia đình của bị cáo, đề nghị bị cáo tiếp tục bồi thường thêm 170.000.000đ là số tiền còn lại trong 270.000.000đ bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Đồng thời có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã có đầy đủ các lời khai: Chị Hà Thị N chỉ là người giới thiệu và cung cấp số điện thoại của bị cáo Trương Thị Tcho bị hại Hoàng Văn Thanh, cho mượn nhà làm địa điểm để Trương Thị Tvà Hà Văn T gặp gỡ trao đổi, đồng thời ký nhận là người làm chứng vào giấy vay tiền giữa Trương Thị Tvà Hà Văn T, nhưng không tham gia vào việc bàn bạc, trao đổi, giao nhận tiền, hay hưởng lợi trong vụ việc trên.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo với nội dung nhất trí với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trương Thị Tvề tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Đề nghị HĐXX căn cứ vào nguyên nhân, mục đích động cơ phạm tội, hành vi trách nhiệm hình sự, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt nằm trong đầu khung khung hình phạt, bị cáo phạm tội lần đầu, là người lao động chính trong gia đình, đã nhận ra sai lầm của mình, tích cực hợp tác khai báo trong quá trình điều tra án, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51, và có bố ruột là ông Trương Trí N được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, bị cáo là người có bệnh nền, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo đủ điều kiện để được xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật là khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm, theo quy định tại điều 54 BLHS, vì vậy đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 03 đến 04 năm tù, và được miễn hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được Tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy lời khai của người làm chứng trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, sự vắng mặt của người làm

chứng không làm ảnh hưởng nội dung của vụ án. HĐXX quyết định vẫn tiếp tục phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 293 BLTTHS.

[2] Về tình tiết định tội định khung hình phạt:

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của bị cáo phù hợp với Đơn trình báo ngày 06/02/2021 của bị hại, quyết định trưng cầu giám định ngày 10/5/2021, Kết luận giám định số 1064 ngày 02/6/2021, các biên bản ghi lời khai nhận của bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội, các biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/12/2017 đến ngày 21/01/2018 với mục đích chiếm đoạt tài sản, mặc dù không phải là người có chức vụ quyền hạn để quyết định tuyển dụng viên chức vào ngành giáo dục nhưng Trương Thị Tđã có hành vi gian dối, nói dối Hà Văn T rằng mình có khả năng xin việc trong hệ thống ngành giáo dục nhằm mục đích nhận tiền của Hà Văn T tổng số tiền là 270.000.000 đồng để xin việc cho con gái Hà Văn T là Hà Thị Phương T vào công tác trong ngành giáo dục huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi nhận được tiền Trương Thị Tđã chiếm đoạt chi tiêu số tiền trên cho mục đích cá nhân. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, có mức phạt tù từ 07 đến 15 năm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu truy tố và Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử bị cáo Trương Thị Tlà chính xác, đúng người, đúng tội, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, không oan sai cho bị cáo. Tại thời điểm thực hiện hành vi của mình bị cáo đã có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bằng thủ đoạn gian dối làm cho người có tài sản tin tưởng và tự nguyện trao tài sản cho bị cáo, đây là tội cố ý trực tiếp, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương mà còn gây nên dư luận xấu trong nhân dân, làm mất niềm tin của nhân dân vào chế độ tuyển dụng, quản lý cán bộ công chức trong ngành giáo dục nói riêng và các ngành khác nói chung. Trong vụ án này, bị cáo là công dân có đủ nhận thức, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để biết hành vi dùng thủ đoạn gian dối, thông tin gian dối để hứa hẹn việc mình không thể thực hiện được để chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm trục lợi riêng cho bản thân là vi phạm pháp luật,

nhưng vẫn cố tình thực hiện để chiếm đoạt số tiền 270.000.000đ để chi tiêu cho mục đích cá nhân. Vì vậy cần xử lý nghiêm bị cáo bằng hình phạt phù hợp để mang tính răn đe, đồng thời giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời gia đình bị cáo đã chủ động tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 100.000.000đ do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Trương Trí N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, đồng thời bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trụ cột trong gia đình, bị cáo không có chồng nhưng tự mình nuôi con nhỏ chưa thành niên sinh năm 2009.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1 Điều 51, và 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt thuộc khoản 2 Điều 51 BLHS, xét thấy bị cáo đủ điều kiện để được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng nằm trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 BLHS. Do vậy cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, số tiền bị cáo chiếm đoạt, điều kiện để quyết định hình phạt... để có mức án phù hợp, tương xứng, nhằm nghiêm khắc trừng phạt, cải tạo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật và nhưng cũng đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo không đảm nhiệm chức vụ, đồng thời không có tài sản gì có giá trị lớn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường 100.000.000đ, và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 170.000.000đ số tiền còn lại trong khoản tiền 270.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp, cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 BLDS, buộc bị cáo Trương Thị Tphải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho gia đình ông Hà Văn T số tiền 170.000.000đ.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với ông Nguyễn Đình X, việc bị cáo Trương Thị T cho rằng ông Nguyễn Đình X là người nhận xin việc cho Hà Thị

Phương T vào công tác trong ngành giáo dục để trả nợ số tiền 240.000.000 đồng đã vay của T. Tuy nhiên ngoài lời khai của Trương Thị Tkhông có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Nguyễn Đình X là người nhận xin việc cho Hà Thị Phương T thông qua T, nên cơ quan CSĐT không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với Hà Thị N là người tin vào việc Trương Thị T có khả năng xin việc cho Hà Thị Phương T nên chỉ giới thiệu Trương Thị T nhằm giúp đỡ cho gia đình Hà Văn T và không được hưởng lợi gì trong vụ việc trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đề cập vấn đề xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Thời hạn tạm giam còn lại của bị cáo dưới 45 ngày, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 BLTTHS 2015.

[11] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của Kiểm sát viên, đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề liên quan khác là phù hợp, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 BLHS 2015. Khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 BLDS.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị T phải bồi thường cho bị hại ông Hà Văn T số tiền 170.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3. Về vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Thị Tphải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/9/2023 theo quy định của pháp luật./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo; Người tham gia TT
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Thị Thanh Huyền